

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2026/HNGĐ- ST

Ngày: 24-7-2026

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lường Văn Chuyên, ông Nguyễn Danh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2026/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bản P, xã M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Lường Thị P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Bản P, xã M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lò Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn D và chị Lường Thị P kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 28/01/1997 tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng

nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh Lò Văn D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị ly hôn với chị Lường Thị P.

Về con chung: Anh Lò Văn D và chị Lường Thị P có 03 (ba) con chung là cháu Lò Thị Q, sinh ngày 02/01/1998; cháu Lò Thị QU, sinh ngày 10/7/2001 và cháu Lò Văn V, sinh ngày 28/12/2005.

Các cháu Lò Thị Q, Lò Thị QU và Lò Văn V đã đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động, tự lập. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn D cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 26/6/2026, ngoài những tài liệu, chứng cứ do anh Dũng đã giao nộp, anh Dũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2026 tại Bản P, xã M, tỉnh Sơn La, anh Lò Văn D và chị Lường Thị P có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện nay anh Lò Văn D và chị Lường Thị P đã sống ly thân. Anh Lò Văn D và chị Lường Thị P có 03 (ba) con chung là cháu Lò Thị Q, sinh ngày 02/01/1998; cháu Lò Thị QU, sinh ngày 10/7/2001 và cháu Lò Văn V, sinh ngày 28/12/2005 đều đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động. Tài sản chung, nợ chung: Không nắm được.

Bị đơn chị Lường Thị P đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân khu vực 2-Sơn La. Chị Lường Thị P không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Anh Lò Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh Dũng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn D được ly hôn chị Lương Thị P.

Về con chung: Anh Lò Văn D và chị Lương Thị P có 03 (ba) con chung là cháu Lò Thị Q, sinh ngày 02/01/1998; cháu Lò Thị QU, sinh ngày 10/7/2001 và cháu Lò Văn V, sinh ngày 28/12/2005. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh Lò Văn D, chị Lương Thị P không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn anh Lò Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Lò Văn D yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn chị Lương Thị P có địa chỉ tại Bản P, xã M, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 2- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục hoà giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Lò Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn chị Lương Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn D và chị Lương Thị P kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 28/01/1997 tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2022 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lò Văn D và chị Lương Thị P đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Anh Dũng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn chị Lương Thị P.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Dũng và chị Phúc lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho anh Lò Văn D được ly hôn chị Lương Thị P. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Lò Văn D và chị Lương Thị P 03 (ba) con chung là cháu Lò Thị Q, sinh ngày 02/01/1998; cháu Lò Thị QU, sinh ngày 10/7/2001 và cháu Lò Văn V, sinh ngày 28/12/2005.

Các cháu Lò Thị Q, Lò Thị QU và Lò Văn V đã đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động, tự lập. Không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ đúng pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Anh Lò Văn D, chị Lương Thị P không có nợ chung.

[7] Về án phí: Anh Lò Văn D có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy anh Lò Văn D là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn anh Lò Văn D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của anh Lò Văn D đối với chị Lường Thị P.

Xử cho anh Lò Văn D được ly hôn chị Lường Thị P.

2. Về con chung: Anh Lò Văn D và chị Lường Thị P có 03 (ba) con chung là cháu Lò Thị Q, sinh ngày 02/01/1998; cháu Lò Thị QU, sinh ngày 10/7/2001 và cháu Lò Văn V, sinh ngày 28/12/2005. Các cháu Lò Thị Q, Lò Thị QU và Lò Văn V đã đến tuổi trưởng thành, không bệnh tật, có khả năng lao động, tự lập. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Anh Lò Văn D, chị Lường Thị P không có nợ chung.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn anh Lò Văn D.

7. Về quyền kháng cáo: Anh Lò Văn D, chị Lường Thị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2- Sơn La (2);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Sơn La;
- Đương sự;
- UBND xã M, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng